

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **362/2026/DS-ST**

Ngày 17-7-2026

V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Dương Nhựt

2/ Ông Nguyễn Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 -Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 408/2026/TLST - DS ngày 10 tháng 6 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1045/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị B L, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 69 DT, phường TK, TP ĐN.

- **Bị đơn:** Bà Trần TM và ông Ngô ĐD; cùng địa chỉ: Tổ DP 4, phường HT, TP ĐN.

Bà L, bà M có mặt; ông D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Phía nguyên đơn bà Trần Thị B L trình bày:***

Do có quan hệ quen biết nên bà có cho vợ chồng bà M, ông D mượn số tiền 50.000.000 đồng, cụ thể các lần mượn tiền như sau:

Ngày 13/01/2020, ông Ngô ĐD mượn số tiền 25.000.000 đồng.

Ngày 20/01/2023, ông Ngô ĐD và bà Trần TM mượn tiếp số tiền 25.000.000 đồng.

Bà đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông D, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải buộc vợ chồng ông Ngô ĐD, bà Trần TM trả cho bà số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/01/2023 đến ngày 20/5/2026 là 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 70.000.000 đồng.

- **Phía bị đơn ông Ngô ĐD và bà Trần TM trình bày:** Vợ chồng ông, bà thừa nhận có mượn của bà L số tiền 50.000.000 đồng theo 02 giấy mượn tiền như bà L cung cấp nhưng vì điều kiện khó khăn nên vợ chồng ông, bà không trả được. Nay, vợ chồng ông, bà có nguyện vọng trả hàng tháng cho bà L số tiền 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc là 50.000.000 đồng; còn đối với số tiền lãi 20.000.000 đồng mà bà L yêu cầu thì vợ chồng ông, bà cũng đồng ý trả số tiền lãi này nhưng hiện nay cũng chưa có điều kiện để trả. Vợ chồng ông, bà đề nghị được trả tiền gốc hàng tháng trước, sau đó sẽ trả tiền lãi theo như yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền là đảm bảo quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện; Bị đơn hiện cư trú tại phường Hương Trà, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân khu vực 5 -Đà Nẵng thụ lý và giải quyết vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Ngô ĐD có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng gồm tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và nợ lãi 20.000.000 đồng (tính từ ngày 20/01/2023 đến ngày 20/5/2026). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được các bị đơn thừa nhận. Đây là các tình tiết, sự kiện Hội đồng xét xử không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B L về việc buộc vợ chồng bị đơn ông Ngô ĐD, bà Trần TM trả số tiền 70.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu của vợ chồng bị đơn Ngô ĐD, Trần TM đề nghị trả tiền hàng tháng đối với số tiền nợ gốc (50.000.000 đồng), mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền nợ gốc trên; đồng thời số tiền lãi 20.000.000 đồng bị đơn

sẽ trả sau khi trả xong số tiền gốc nhưng không được nguyên đơn bà Trần Thị B L chấp nhận nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của vợ chồng bị đơn.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Ngô ĐD, Trần TM phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị B L về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

1. Buộc ông Ngô ĐD, bà Trần TM có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị B L số tiền 70.000.000 (*bảy mươi triệu*) đồng, gồm tiền gốc 50.000.000 đồng; tiền lãi 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không trả xong số tiền trên thì hằng tháng còn phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Ngô ĐD, bà Trần TM chịu 3.500.000 (*ba triệu năm trăm nghìn*) đồng.

Trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị B L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 (*một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006073 ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 5- Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + Ấn văn.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thanh Hải

